

Bản án số: 112/2025/DS-ST

Ngày: 04/11/2025

V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất, tài sản gắn liền với đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Qui

Bà Hồ Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Diện – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 9 năm 2025, ngày 20 tháng 10 năm 2025, ngày 04 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2025, Các Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2025 và số 39/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn B, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị Mỹ V, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

2.2. Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1959; Địa chỉ: khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Dương Thị C, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.2. Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1998; Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.3. Ông Trần Quốc C1, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Trần Quốc C1 gồm:

- Ông Trần Văn B, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có mặt)

- Bà Dương Thị C, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.4. Bà Võ Thị N, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.5. Ông Dương Vũ K, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.6. Ông Dương Vũ P, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.7. Bà Dương Thị Q, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp A, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.8. Bà Dương Ngọc T1, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.9. Bà Dương Ngọc T2, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.10. Bà Dương Ngọc D, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.11. Bà Dương Ngọc K1, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.12. Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.13. Bà Dương Thị T3, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp A, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.14. Ông Dương Văn G, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp C, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.15. Ngân hàng N1; Địa chỉ: số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường G, thành phố Hà Nội). Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Ngũ Bá T4 – Chức danh: Phó Giám đốc Ngân hàng N1, Chi nhánh N2 (có mặt) – Văn bản uỷ quyền ngày 19/8/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn B trình bày:

Nguồn gốc phần đất là của bà Trần Thị K2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998, sau đó chuyển nhượng một phần đất tại thửa 475 cho ông Nguyễn Văn B1, phần còn lại bà Trần Thị K2 đã cho ông B xây nhà kiên cố, trồng cây. Tuy nhiên, khi làm giấy tờ đất thì ông B1 đứng tên toàn bộ phần đất được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00557, ngày 02/11/1998. Sau đó ngày 25/8/2004 ông Nguyễn Văn B1 có viết giấy tay hứa ngày 21/01/2005 sẽ đem cắt chuyển lại phần đất cho ông Trần Văn B nhưng ông Nguyễn Văn B1 không thực hiện. Đến ngày 30/12/2020, ông Nguyễn Văn B1 đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích trên giấy chứng nhận là 973,4m² theo giấy chứng nhận số CS02185 cấp ngày 30/12/2020, sau đó đến ngày 25/01/2021 chỉnh lý chuyển quyền sử dụng đất tại thửa 475 cho bà Nguyễn Thị Mỹ V thông qua giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện, ông Trần Văn B yêu cầu ông B1 và bà V trả lại quyền sử dụng đất diện tích đất ngang khoảng 19 mét, dài khoảng 30 mét (theo đo đạc thực tế là 499,4m²). Tuy nhiên, sau khi đo đạc thì xác định phần đất do ông B đang quản lý sử dụng có 304m² thuộc thửa 475, phần đất còn lại 195,4m² nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Trần Văn B thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 304m² cho ông Trần Văn B.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn trình bày:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ V trình bày: Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 475, bà V đang thế chấp tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh N2. Bà V cam kết đến ngày bán cá, sang đất để trả nợ cho Ngân hàng, rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để làm thủ tục sang tên cho ông Trần Văn B. Tại phiên tòa ngày 04/11/2025, bà V khai đã trả thêm cho Ngân hàng 300.000.000 đồng. Bà V thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B.

- Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/12/2022, ông Nguyễn Văn B1 trình bày: Nguồn gốc đất là của bà Trần Thị K2 (mẹ vợ ông Trần Văn B), sau đó, bà K2 có hứa chuyển nhượng cho ông B1 toàn bộ phần đất tại thửa 475, sau đó ông B1 được cấp giấy chứng nhận toàn bộ thửa 475. Tuy nhiên, sau khi làm giấy quyền sử dụng đất tại thửa 475 thì các bên có thỏa thuận lại là bà K2 chỉ chuyển nhượng cho ông B1 01 phần đất tại thửa 475, phần đất còn hiện nay ông B đang quản lý, sử dụng không có việc sang nhượng từ bà K2 sang cho ông B1. Nay ông B1 cũng thống nhất để lại phần đất tranh chấp cho ông B và đồng ý chuyển quyền sang tên cho ông B.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Dương Thị C, bà Trần Thị Cẩm T, ông Trần Quốc C1 cùng trình bày: Các đương sự là vợ, các con của ông Trần Văn B, mọi vấn đề tranh chấp đất giao cho ông B toàn quyền quyết định, đương sự không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này.

- Bà Võ Thị N, ông Dương Vũ K, ông Dương Vũ P, bà Dương Thị Q, bà Dương Ngọc T1, bà Dương Ngọc T2, bà Dương Ngọc D, bà Dương Ngọc K1, ông Dương Văn Đ, bà Dương Thị T3, ông Dương Văn G cùng trình bày: Các đương sự là con, cháu của bà Trần Thị K2, đối với phần đất ông Trần Văn B đang tranh chấp thì đương sự có ý kiến thống nhất để ông B được đứng tên phần đất, các đương sự không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Ngân hàng N1 (có người đại diện là ông Ngũ Bá T4) (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày: Giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Mỹ V có ký kết Hợp đồng tín dụng số 70001-LAV-2024.01669 ngày 05/7/2024 vay số tiền 3.700.000.000 đồng, ngoài ra các bên còn thỏa thuận thời hạn, lãi suất cho vay,...Để bảo đảm khoản vay nêu trên, các đương sự đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7001-LCL-202400350 ngày 25/3/2024 thế chấp thửa đất 475. Quá trình vay vốn, bà V đã trả được một phần vốn và trả lãi đầy đủ, chưa phát sinh lãi quá hạn. Về phía Ngân hàng cũng thống nhất giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để công nhận phần đất có diện tích 304m² cho ông B, phần đất còn lại thuộc thửa 475 Ngân hàng và bà V thống nhất tiếp tục thế chấp cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn B. Ghi nhận sự tự nguyện giữa các đương sự về việc công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 304,0m² cho ông Trần Văn B. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả giải quyết của Tòa án. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B đối với phần đất có diện tích 195,4m². Tách việc giải quyết liên quan đến hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng N1 với bà Nguyễn Thị Mỹ V thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Ghi nhận ý kiến của Ngân hàng N1 với bà Nguyễn Thị Mỹ V về việc phần đất còn lại sau khi công nhận cho ông Trần Văn B tiếp tục thực hiện theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết. Ông Trần Văn B được tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên phần đất được công nhận. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trích lục hồ sơ: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn công nhận phần đất, trên đất có tài sản, bất động sản nằm trên địa bàn xã L (nay là phường L). Do đó, đây là “Tranh

chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 26, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn B1; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị C, bà Trần Thị Cẩm T, bà Võ Thị N, ông Dương Vũ K, ông Dương Vũ P, bà Dương Thị Q, bà Dương Ngọc T1, bà Dương Ngọc T2, bà Dương Ngọc D, bà Dương Ngọc K1, ông Dương Văn Đ, bà Dương Thị T3, ông Dương Văn G có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, đương sự thống nhất kết quả đo đạc theo bản đồ địa chính số 03/SHC ngày 06/01/2023 của Công ty TNHH Đ1 và kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Thống Nhất, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả nêu trên giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1.4] Về phạm vi giải quyết vụ án:

- Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn B chỉ yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 304m², loại đất CLN do nằm trong thửa 475, phần đất còn lại 195,4m² không yêu cầu Tòa án giải quyết do nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ Điều 5, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết đối với phần đất có diện tích 304m², đình chỉ giải quyết đối với phần đất 195,4m².

- Quá trình giải quyết vụ án, xác định các thửa 475, diện tích trên giấy chứng nhận 973,4m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02185 hiện tại do bà Nguyễn Thị Mỹ V đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng N1. Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng N1, có đơn yêu cầu độc lập ngày 24/9/2025, sau thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa phù hợp với Điều 201, 202 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 04/11/2025, Ngân hàng không còn yêu cầu độc lập do bà V đã trả thêm tiền gốc cho Ngân hàng. Về phía Ngân hàng cũng thống nhất giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để công nhận phần đất có diện tích 304m² cho ông B, phần đất còn lại thuộc thửa 475 Ngân hàng và bà V thống nhất tiếp tục thế chấp cho Ngân hàng.

Căn cứ vào mục III.4 Văn bản số 196/TANDTC-PC ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tối cao, trong phạm vi giải quyết vụ án Hội đồng xét xử xem xét giải quyết tranh chấp quyền sở hữu, sử dụng đất trước khi giải quyết vụ án chấp hợp đồng tín dụng, tài sản thế chấp theo quy định pháp luật. Tách việc giải quyết liên quan đến hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng N1 với bà Nguyễn Thị Mỹ V thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Đồng thời, ghi nhận phần đất còn lại sau khi công nhận cho ông Trần Văn B tiếp tục thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B.

Ông Trần Văn B yêu cầu công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 304m², loại đất CLN thuộc một phần thửa 475. Về nguồn gốc phần đất là của bà Trần Thị K2 tặng cho lại ông B quản lý, sử dụng khoảng 30 năm nay. Các con cháu của bà Trần Thị K2, ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị Mỹ V và Ngân hàng N1 cũng thống nhất công nhận phần đất nêu trên cho ông Trần Văn B. Xét thấy, sự tự nguyện của các đương sự phù hợp với quá trình sử dụng đất của ông Trần Văn B, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản trên đất: Hiện nay trên đất tranh chấp có nhà chính, mái che, hàng rào, sân, cây trồng và một số công trình khác do ông Trần Văn B đang quản lý, sử dụng. Do đó, ông Trần Văn B được tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên phần đất tranh chấp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trích lục hồ sơ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 8.568.000 đồng.

[6] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 217, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 236 Luật Đất đai năm 2024; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn B.

[2] Ghi nhận sự tự nguyện giữa các đương sự về việc công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 304,0m² (thuộc một phần thửa 475 – một phần ghi chú (I)) cho ông Trần Văn B *(theo bản đồ địa chính số 03/SHC ngày 06/01/2023 của Công ty TNHH Đ1)*.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả giải quyết của Tòa án.

[3] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B đối với phần đất có diện tích 195,4m² (thửa 1772 - một phần ghi chú (I)) *(theo bản đồ địa chính số 03/SHC ngày 06/01/2023 của Công ty TNHH Đ1)*.

[4] Tách việc giải quyết liên quan đến hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng N1 với bà Nguyễn Thị Mỹ V thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Ghi nhận ý kiến của Ngân hàng N1 với bà Nguyễn Thị

Mỹ V về việc phân đất còn lại sau khi công nhận cho ông Trần Văn B tiếp tục thực hiện theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết.

[5] Về tài sản trên đất: Ông Trần Văn B được tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên phần đất được công nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn B tự nguyện chịu số tiền án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0004391 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Cần Thơ). Ông Trần Văn B đã nộp xong án phí.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trích lục hồ sơ: Ông Trần Văn B đã nộp xong số tiền là 8.568.000 đồng (Tám triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

[8] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[9] Ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị Mỹ V, Ngân hàng N1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/11/2025). Bị đơn ông Nguyễn Văn B1; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị C, bà Trần Thị Cẩm T, bà Võ Thị N, ông Dương Vũ K, ông Dương Vũ P, bà Dương Thị Q, bà Dương Ngọc T1, bà Dương Ngọc T2, bà Dương Ngọc D, bà Dương Ngọc K1, ông Dương Văn Đ, bà Dương Thị T3, ông Dương Văn G vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Cần Thơ;
- THADS KV 12 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Châu Thanh Quyền

